

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO -K23

(*Bản cải tiến sau rà soát*)

**Tên chương trình:** Chương trình đào tạo ngành Quản Trị Kinh Doanh

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Quản Trị Kinh Doanh

**Mã số:** 52340101

**Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu<sup>1</sup>

#### 1.1 Mục tiêu chung

Cử nhân Quản trị Kinh doanh được đào tạo 3 khối kiến thức: giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh, sinh viên ra trường có khả năng phân tích, xử lý thông tin doanh nghiệp, từ đó có thể tổ chức thực hiện các chiến lược tài chính, marketing, nhân sự,... quản trị và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp hay tổ chức, có khả năng quản trị các rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện, có ý thức trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ ngoại ngữ tốt; bảo đảm khi sinh viên ra trường có đủ năng lực đảm nhận công tác quản trị thuộc mọi lĩnh vực và cấp bậc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

##### Kiến thức

**a. Chính trị:** Hiểu biết cơ bản về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước; chủ nghĩa Mac Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam.

**b. Kinh tế:** Có kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính – tiền tệ, thuế vụ, marketing,...

**c. Khoa học – toán ứng dụng:** Có kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế, kinh tế lượng, thống kê... bảo đảm khả năng tính toán, phân tích các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

**d. Khoa học quản trị:** Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh như: Quản trị sản xuất, quản trị chất lượng sản phẩm, nghiên cứu và quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị nguồn nhân lực, quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị hệ thống thông tin...

**e. Pháp luật:** Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kinh doanh quốc tế.

---

<sup>1</sup> Theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 6/9/2017.

**f. Hoạch định:** Có kiến thức cơ bản về chiến lược xây dựng nguồn nhân lực, chiến lược tài chính, chiến lược marketing... để có thể hoạch định và tham gia hoạch định về chiến lược và chính sách kinh doanh, xây dựng chương trình & kế hoạch kinh doanh tại các doanh nghiệp.

## **Kỹ năng**

### *Kỹ năng chuyên môn*

Trên cơ sở kiến thức được trang bị nêu trên, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng chuyên môn để có khả năng đảm nhận các hoạt động tại các doanh nghiệp:

1. Phân tích hoạt động, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh;
2. Lập được chiến lược tài chính thông qua kiến thức về tài chính tiền tệ và quản trị tài chính; có khả năng lên kế hoạch, xây dựng tiến độ, quản trị quá trình sản xuất, chất lượng và quản lý các dự án tại doanh nghiệp, đơn vị tổ chức;
3. Xây dựng được chương trình Marketing, kế hoạch quản trị thương hiệu cho doanh nghiệp hay tổ chức;
4. Quản trị, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ có hiệu quả hoạt động kinh doanh;
5. Xử lý các tình huống phát sinh, tổ chức phòng ngừa các rủi ro trong kinh doanh;
6. Phát triển quan hệ kinh doanh quốc tế, quản lý quá trình xuất nhập khẩu và thanh toán ngoại thương.

### *Kỹ năng mềm*

7. Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm (team-work) để đạt hiệu quả tốt trong công tác;
8. Có khả năng trình bày, thuyết phục trước đám đông và theo từng đối tượng khách hàng về mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp; hợp tác triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch kinh doanh;
9. Có trình độ tiếng Anh căn bản khi tốt nghiệp tương đương với 450 điểm TOEIC trở lên để có thể sử dụng và nâng cao trong quá trình làm việc;
10. Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng cần thiết trong hoạt động kinh doanh;

## **Thái độ**

1. Có phẩm chất đạo đức kinh doanh, có tinh thần nghề nghiệp, không vì tư lợi mà lừa dối khách hàng;
2. Có tinh thần trách nhiệm, tác phong đứng đắn trung thực, thái độ vui vẻ, lịch sự trong giao tiếp;
3. Có tinh thần cầu tiến, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ trong quá trình làm việc và quan hệ trong kinh doanh;
4. Có ý thức tôn trọng, chấp hành luật pháp nhà nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung.

## **Trình độ ngoại ngữ**

Kỹ năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho công tác chuyên môn.

## **Trình độ tin học**

Sử dụng công cụ tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng cần thiết trong quá trình tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

## **Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

### **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh**

- Có khả năng đảm nhận các vị trí công tác tại các doanh nghiệp từ nhân viên chuyên môn, chuyên viên nghiên cứu, đến các chức vụ trưởng phó phòng, trợ lý, giám đốc, phó giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị...
- Có khả năng làm Trưởng, Phó, chuyên viên, nhân viên trong Ban Quản lý Dự án, kinh doanh.
- Có khả năng tham gia các đoàn công tác đối ngoại của các tổ chức kinh tế để thăm dò, thương thảo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác.
- Có khả năng đảm nhận các công việc và vị trí được phân công tại các cơ quan quản lý Nhà nước.

### **Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin, sinh viên có khả năng tham gia vào các vị trí đang có nhu cầu rất cao trong doanh nghiệp theo trình độ và kinh nghiệm như sau:

- Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:
  - Chuyên viên bán hàng, quản lý mối quan hệ khách hàng trong lĩnh vực CNTT.
  - Chuyên viên tư vấn giải pháp HTTT cho doanh nghiệp.
  - Chuyên viên quản lý cơ sở dữ liệu
  - Chuyên viên thiết kế HTTT.
- Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí:
  - Chuyên viên tư vấn và kiểm định HTTT
  - Trưởng nhóm, quản lý dự án HTTT
  - Kiến trúc sư HTTT
  - Quản lý công nghệ thông tin, HTTT trong doanh nghiệp.
  - Quản lý an ninh, an toàn HTTT
- Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao:
  - Giám đốc CNTT/HTTT của tổ chức (CIO, CTO, CSO)
  - Giám đốc đào tạo và xây dựng chuẩn/ quy trình cho doanh nghiệp
  - Giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO)

- Có khả năng làm việc cho các cơ quan nhà nước.

## **2. Chuẩn đầu ra<sup>2</sup>**

*Sau khi học xong Chương trình này, sinh viên cần phải đạt:*

1. Nắm vững những vấn đề cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lênin, về đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam;
2. Có nền tảng kiến thức căn bản về kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh, quản trị hệ thống thông tin, luật pháp để phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh trong mọi hoàn cảnh;
3. Sử dụng tốt các phương pháp, công cụ định tính và định lượng để phục vụ công tác quản trị kinh doanh;
4. Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp trong môi trường làm việc, đọc và hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành, có trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 450 trở lên;
5. Có khả năng tự học, tự bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn suốt đời, có khả năng thích ứng với nhu cầu đa dạng của thị trường lao động;
6. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức chấp hành luật pháp Nhà nước cũng như các quy định của doanh nghiệp.

## **3. Khối lượng kiến thức toàn Khóa: ....124.. tín chỉ**

**4. Đối tượng tuyển sinh:** tất cả công dân Việt Nam đã tốt nghiệp phổ thông trung học và đạt các yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Văn Lang.

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được xây dựng gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được chia thành hai khối nhỏ là kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Sinh viên cần phải hoàn thành 124 tín chỉ. Cuối khóa học, sinh viên tham gia thực tập và làm báo cáo thực tập. Sinh viên có thể làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

### **Điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy chế tổ chức đào tạo bậc đại học theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Văn Lang hiện hành:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4;

---

<sup>2</sup> Theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, tích hợp chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thái độ và trình bày thành 14-16 chuẩn đầu ra.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh, chứng chỉ anh văn B1 hoặc tương đương;
- Có kết quả đạt học phần Giáo dục thể chất và học phần tốt nghiệp các môn Lý luận chính trị.

## **6. Cách thức đánh giá**

Cách thức đánh giá từng học phần được quy định chi tiết trong Đề cương từng học phần. Các Đề cương này sẽ được cập nhật từng năm học và công bố công khai. Trong kết quả đánh giá mỗi học phần thường được cấu trúc với hai phần: kết quả đánh giá quá trình, và kết quả đánh giá cuối kỳ học. Phần đánh giá quá trình thường chiếm tỷ trọng 30-50%, theo đó phần đánh giá cuối học kỳ thường chiếm tỷ trọng 50-70% kết quả chung của học phần, tùy thuộc vào quy định được công bố trước của mỗi học phần.

## 7. Nội dung chương trình

### Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương 38 Tín chỉ</b>						
<b>1.1. Lý luận Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>10</b>		
1	DCT0010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1 (Principles of Marxism and Leninism 1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.</li> </ul>	2 (30LT)	BB	
2	DCT0011	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2 (Principles of Marxism and Leninism 2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những quan điểm phạm trù, quy luật của nền kinh tế hàng hóa tư bản, xu hướng tất yếu của CNTB và những vấn đề có tính quy luật của chủ nghĩa xã hội.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.</li> </ul>	3 (45 LT)	BB	Sau>NNLCB của CNMLN 1
3	DCT0030	Tư tưởng HCM (Ho Chi Minh's Ideology)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về tư tưởng, về đạo đức và văn hóa Hồ Chí Minh.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.</li> </ul>	2 (30LT)	BB	Sau>NNLCB của CNMLN 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
4	DCT0020	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (Strategies and Polycies of Vietnamese Communist Party)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lí tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.</li> </ul>	3 (45LT)	BB	Sau TTHCM
<b>1.2. Khoa học xã hội</b>				<b>4</b>		
5	DPL0010	Pháp luật đại cương (General Law)	Kiến thức tổng quan về sự ra đời, hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật. Từ đó, trình bày được những quy luật căn bản về sự tồn tại của các yếu tố mang tính quyền lực ở phạm vi quốc gia. Sinh viên vận dụng kiến thức về một số luật chuyên ngành cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống thực tiễn.	2 (30LT)	BB	
6	DMT0020	Môi trường và con người (People and Environment)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.</li> <li>Rèn luyện cho sinh viên tham gia xây dựng bài trên lớp và làm bài tập tại lớp, góp phần hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy giải quyết vấn đề của sinh viên.</li> <li>Hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày và các hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.</li> </ul>	2 (30LT)	BB	
<b>1.3. Nhân văn – Nghệ thuật</b>				<b>2</b>		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
7	DQT0020	Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)	Hiểu rõ thế nào là các hoạt động/hành vi có đạo đức và vô đạo đức trong kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là hoạt động có đạo đức trong mọi lĩnh vực kinh doanh, con người, pháp luật.	2 (30LT)	BB	
<b>1.4. Ngoại ngữ</b>				<b>12</b>		
8	DTA0012	Anh văn 1 (English 1)	-Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. -Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v...	3 (45LT)	BB	
9	DTA0020	Anh văn 2 (English 2)	-Sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). -Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày. -Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 1
10	DTA0030	Anh văn 3 (English 3)	-Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... -Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 2



STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			-Sinh viên có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.			
11	DTA0040	Anh văn 4 (English 4)	-Sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. -Sinh viên có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 3
<b>1.5. Toán - Tin học</b>				<b>9</b>		
12	DTN0110	Toán cao cấp 1 (Advanced Mathematics 1)	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên: <b>Kiến thức:</b> - Nhận biết ma trận, thực hiện được các phép tính với ma trận - Giải được hệ phương trình tuyến tính. - Nhận biết bài toán quy hoạch tuyến tính, giải được bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến bằng phương pháp đồ thị. <b>Kỹ năng:</b> - Phân tích được các mô hình kinh tế đơn giản: mô hình cân bằng thị trường, mô hình input – output, tối ưu một đại lượng kinh tế khi hàm mục tiêu và các ràng buộc tuyến tính - Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả. <b>Về thái độ:</b> Ý thức tự học, tự nghiên cứu, tuân thủ giờ giấc học tập.	3 (45LT)	BB	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
13	DTN0111	Toán cao cấp 2 (Advanced Mathematics 2)	<p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên:</p> <p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các vấn đề liên quan đến phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến và hàm số nhiều biến, như: Đạo hàm, đạo hàm riêng, cực trị, các loại tích phân,...</li> <li>- Phân biệt được các dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2, các loại chuỗi số và chuỗi hàm.</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải những dạng bài tập thuần túy về mặt toán học, và giải quyết một số dạng bài toán đơn giản trong thực tế như: Tìm diện tích lớn nhất, Tìm chi phí nhỏ nhất, Tính diện tích vật thể, Tính thể tích vật thể, ...</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng tư duy logic, phản biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề</li> <li>- Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp để làm việc theo nhóm.</li> </ul> <p><b>Về thái độ:</b></p> <p>Ý thức được việc học tập của bản thân; Nhận biết được nhiệm vụ của người học, trách nhiệm của bản thân đối với mọi người trong nhóm học tập và trong lớp học.</p>	2 (30LT)	BB	Sau Toán cao cấp 1
14	DTN0070	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	<p>Hoàn thành khóa học này sinh viên có khả năng</p> <p><b>Kiến thức:</b></p>	3 (45LT)	BB	Sau Toán cao cấp 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
		(Probability Theory and Mathematical Statistics)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các khái niệm cơ bản của xác suất và thống kê,</li> <li>- Vận dụng linh hoạt các mô hình xác suất, các mô hình ước lượng, kiểm định thống kê vào giải quyết bài toán cụ thể,</li> <li>- Tính toán hệ số tương quan và tìm phương trình hồi quy tuyến tính đơn biến.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu, lập kế hoạch công việc, làm việc nhóm, soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm Excel sử dụng trong thống kê,</li> <li>- Ứng dụng được kiến thức môn học làm nền tảng cho các môn chuyên ngành, các môn sau đại học và cho các công việc thực tế.</li> </ul> <p><b>Thái độ:</b> Hình thành ý thức học tập thường xuyên ở nhà và tích cực phát biểu trên lớp.</p>			
15	DTH0012	Tin học căn bản (Basic Informatics)	<p>Kiến thức</p> <p>Sinh viên mô tả cấu trúc máy tính, mạng máy tính kết nối</p> <p>Cài đặt phần mềm ứng dụng trong máy tính, sửa lỗi khắc phục sự tương thích của phần mềm trong quá trình sử dụng</p> <p>Kỹ năng</p> <p>Tìm kiếm tài nguyên trên mạng Internet và chia sẻ thông tin. Gửi/nhận thư điện tử</p> <p>Soạn thảo bài trình chiếu hiệu quả</p>	2 (30LT)	BB	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			Soạn thảo tài liệu văn bản với các chuẩn mực định dạng Xử lý bảng tính và tính toán số liệu theo yêu cầu Thái độ và phẩm chất Học tập nghiêm túc, kiên trì và kỷ luật thông qua môi trường chia sẻ thông tin.			
<b>1.6. Giáo dục Thể chất</b>						
<b>1.7. Giáo dục Quốc phòng</b>						
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 86 Tín chỉ</b>						
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>34</b>		
1	DKT0010	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên: <b>Kiến thức:</b> - Hoạt động của thị trường. - Hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trên thị trường. <b>Kỹ năng:</b> - Phân tích, so sánh giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động giữa các cấu trúc thị trường khác nhau - Phân tích các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường - Làm việc nhóm, tư duy logic - Tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu <b>Thái độ:</b> Giúp sinh viên hình thành đức tính trung thực, kiên trì, chăm chỉ, có trách nhiệm trong công việc.	3 (45LT)	BB	
2	DKT0031	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên: <b>Kiến thức:</b>	3 (45LT)	BB	Sau Kinh tế vi mô

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các học thuyết kinh tế vĩ mô</li> <li>- Hoạt động của nền kinh tế trên giác độ tổng thể</li> <li>- Nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn</li> <li>- Vai trò và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn</li> <li>- Giải thích và phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế</li> <li>- Tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu</li> <li>- Thu thập dữ liệu kinh tế</li> <li>- Làm việc nhóm, tư duy logic</li> </ul> <p><b>Thái độ:</b> Giúp sinh viên hình thành được các đức tính trung thực, cẩn thận, chăm chỉ và có trách nhiệm trong công việc.</p>			
3	DKT0080	Tài chính tiền tệ (Money and Finance)	Mô tả được hệ thống kiến thức về nguyên lý của thị trường tài chính và tiền tệ; các vấn đề cơ bản của hoạt động tài chính trong nền kinh tế thị trường như: lãi suất, lạm phát và tỷ giá; hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, để có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học khác trong chuyên ngành.	3 (45LT)	BB	Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
4	DAC0010	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	-Mô tả được bản chất, đặc điểm, vai trò của kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận (GAAP).	3 (45LT)	BB	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giải thích được bản chất và nội dung từng bước của chu trình kế toán.</li> <li>-Vận dụng được các phương pháp kế toán để lập các báo cáo tài chính ở mức độ giản đơn.</li> <li>-Thực hiện được các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.</li> <li>-Phân tích được quá trình hình thành luồng thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin. giải quyết các vấn đề.</li> </ul>			
5	DKT0130	Kinh tế quốc tế (International Economics)	<p>Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị các kiến thức cơ bản cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường trong điều kiện nền kinh tế mở.</p> <p>Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế riêng biệt trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khan hiếm để thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người. Kinh tế học quốc tế được chia làm hai phần chính: thương mại quốc tế và tài chính quốc tế. Điều quan tâm chính của học phần không chỉ là các nguyên lý lý thuyết cơ sở của Kinh tế học quốc tế, mà cả những tình huống thực tế và các vấn đề về chính sách kinh tế quốc tế.</p>	3 (45LT)	BB	Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
6	DPL0030	Luật kinh tế (Economic Law)	Kiến thức pháp luật về các hình thức kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp, cách thức thành lập, hoạt động, giải thể và phá sản doanh nghiệp; Kiến thức pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2 (30LT)	BB	Sau Pháp luật đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
7	DKT0020	Marketing căn bản (Basic Marketing)	Môn học Marketing căn bản nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động marketing: Các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản; Nguyên lý căn bản của marketing; Nghiên cứu thị trường – Hành vi khách hàng; Các công cụ marketing mix (Sản phẩm, Định giá, Phân phối, Chiêu thị).	3 (45LT)	BB	
8	DKT0051	Nguyên lý thống kê (Principles of Statistics)	<p><b><u>Kiến thức:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, tổng hợp và viết được phương án điều tra thống kê, phân tích được phương án điều tra chọn mẫu, và tổng hợp dữ liệu mẫu.</li> <li>- Tính toán tất cả các đặc trưng số của dữ liệu.</li> <li>- Phân tích được các chỉ số của vấn đề thống kê. Tính toán và kết luận cho hệ thống chỉ số.</li> <li>- Tính toán được các đặc trưng của chuỗi thời gian. Xây dựng và tính toán mô hình để dự đoán và phân tích biến động của hiện tượng kinh tế xã hội.</li> </ul> <p><b><u>Kỹ năng:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng phần mềm thống kê: Excel, SPSS trong tính toán và phân tích các vấn đề thống kê.</li> <li>- Làm việc nhóm: phân tích mô hình thực tiễn, quản lý nhóm, phân chia công việc, giải quyết vấn đề.</li> </ul> <p><b><u>thái độ:</u></b></p> <p>Giúp sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong công việc.</p>	2 (30LT)	BB	Sau Lý thuyết xác suất và thống kê toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
9	DQT0010	Quản trị học (Management)	Quan tâm cập nhật về môi trường kinh doanh (đặc biệt về luật và chính sách) để có thể lập kế hoạch, tổ chức bộ máy, công việc, biết điều hành, chọn cách giám sát hữu hiệu và biết cách giải quyết vấn đề nhằm đạt mục tiêu của tổ chức hoặc doanh nghiệp	3 (45LT)	BB	
10	DKT0061	Kinh tế lượng (Econometrics)	<p><b><u>Kiến thức:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định, phân loại được các kiến thức căn bản trong mô hình hồi quy đơn, bội, hồi quy với biến giả, các khuyết tật căn bản trong xây dựng mô hình hồi quy như đa cộng tuyến, phương sai thay đổi và tự tương quan</li> <li>- Tính toán được các đặc trưng của mô hình hồi quy đơn, mô hình hồi quy bội. Áp dụng, đánh giá các kết quả khi sử dụng phần mềm Eviews để xây dựng mô hình hồi quy.</li> <li>- Lý giải, đánh giá cho các khuyết tật của mô hình hồi quy. Sử dụng mô hình hồi quy trong việc dự báo, kết luận các vấn đề kinh tế....</li> </ul> <p><b><u>Kỹ năng:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kỹ năng tính toán và phân tích để xây dựng các mô hình hồi quy theo sự hướng dẫn.</li> <li>- Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp để quản lý nhóm, giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm.</li> </ul> <p><b><u>Thái độ:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện ý thức tự rèn luyện học tập thường xuyên.</li> </ul>	3 (45LT)	BB	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
11	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1 (Specialized English for Business 1)	Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghe để sinh viên có thể giới thiệu về công ty và đàm phán trong kinh doanh ở mức độ cơ bản.	3 (45LT)	BB	Sau Anh văn 4
12	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2 (Specialized English for Business 2)	Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghe để sinh viên có thể giới thiệu sản phẩm và trao đổi thông tin trong kinh doanh qua điện thoại ở mức độ cơ bản.	3 (45LT)	BB	Sau Anh văn chuyên ngành 1
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>42</b>		
<b>Bắt buộc (35 tín chỉ)</b>						
1	DQT0100	Quản trị tài chính Financial Management	Nắm vững kiến thức cơ bản về công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp, biết xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh. Nắm vững kỹ năng trong công tác quản lý và sử dụng vốn. Sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đạt lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các chỉ tiêu tài chính.	3 (45LT)	BB	Sau Nguyên lý kế toán
2	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực Human Resource Management	Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến những khái niệm và nguyên lý căn bản trong quản trị nguồn nhân lực. Biết vận dụng những kiến thức đã học để nhận diện các vấn đề nhân sự trong tổ chức và đưa ra các giải pháp giải quyết phù hợp cho từng hoàn cảnh, từng vấn đề.	3 (45LT)	BB	Sau Quản trị học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
3	DQT0200	Hành vi tổ chức Organizational Behaviour	Cung cấp kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức, giúp sinh viên nhận thức được thái độ, giá trị và sự thỏa mãn trong công việc, góp phần vào việc đổi mới và phát triển tổ chức.	2 (30LT)	BB	Sau Quản trị học
4	DQT0110	Quản trị marketing Marketing Management	Nắm vững kiến thức cơ bản về công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp, biết xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh. Nắm vững kỹ năng trong công tác quản lý và sử dụng vốn. Sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đạt lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các chỉ tiêu tài chính.	3 (45LT)	BB	Sau Marketing căn bản
5	DQT0093	Quản trị chiến lược Strategic Management	Vận dụng kiến thức quản trị chiến lược nhằm xây dựng chiến lược cho công ty, xây dựng chiến lược cho các đơn vị chức năng, xây dựng chiến lược cho các đơn vị kinh doanh.	3 (45LT)	BB	Sau quản trị học
6	DQT0098	Quản trị chất lượng Quality Management	Hiểu được đánh giá chất lượng một cách toàn diện; Nắm bắt được việc kiểm soát chất lượng qua năm bắt 7 công cụ thống kê; Ý nghĩa của sử dụng ISO 9001.	3 (45LT)	BB	Sau Quản trị học
7	DQT0080	Quản trị rủi ro Risk Management	Nhận diện, đo lường, kiểm soát, xử lý được các rủi ro có khả năng xảy ra và có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý rủi ro trong tổ chức, doanh nghiệp.	2 (30LT)	BB	Sau Quản trị học
8	DQT0095	Quản trị sản xuất Production Management	Trang bị kiến thức về quản trị các yếu tố đầu vào, tổ chức, phối hợp các yếu tố đó nhằm chuyển hóa kết quả đầu ra là sản phẩm vật chất hay dịch vụ với hiệu quả cao nhất.	2 (30LT)	BB	Sau Quản trị học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
9	DQT0090	Quản trị dự án Project Management	Quản trị một dự án nhỏ và vừa từ khâu lập kế hoạch, xây dựng tiến độ, quản lý tổ chức thực hiện, kiểm soát và quản trị rủi ro.	2 (30LT)	BB	Sau Quản trị học
10	DCO0080	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế Foreign Trade Operations and International Payment	Trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu: các điều kiện thương mại quốc tế; Các kiến thức về phương thức giao dịch quốc tế; Thanh toán quốc tế, đọc hiểu và soạn thảo thư tín thương mại và hợp đồng ngoại thương; Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.	3 (45LT)	BB	
11	DCO0070	Thương mại điện tử E-commerce	Cung cấp những kiến thức căn bản về hoạt động thương mại trên mạng Internet. Mô tả, giải thích các mô hình thương mại điện tử B2C, B2B cùng các hình thức thanh toán trực tuyến. Phân tích những rủi ro trong hoạt động thương mại điện tử và các giải pháp cho những rủi ro trên. Hướng dẫn phương thức xây dựng và vận hành của website TMĐT cơ bản. Xây dựng bản kế hoạch Marketing kỹ thuật số. Hướng dẫn các bước thực hiện công cụ quảng cáo trực tiếp Google Adwords.	3 (45LT)	BB	Sau Marketing căn bản
12	DQT0100	Quản trị kho bãi Warehousing Management	Cung cấp những kiến thức căn bản về quản trị kho bãi; hoạch định, thiết kế và điều hành nhà kho; chức năng, nhiệm vụ của quản lý kho; tổ chức hệ thống kho hàng; kỹ thuật sắp xếp hàng trong kho; điều động hàng hóa trong kho; các quy tắc vận hành kho hàng; thể thức xuất-nhập	2 (30LT)	BB	Sau Quản trị học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			kho; kiểm kê kho, những vấn đề về an toàn trong kho hàng; quản trị rủi ro trong kho hàng.			
13	DQT0120	Quản trị thương hiệu Brand Management	Cung cấp những kiến thức hiện đại về thương hiệu/nhãn hiệu và những kỹ năng thực hành của một giám đốc nhãn hiệu trong doanh nghiệp. Nội dung gồm có: Tổng quan về thương hiệu và nhãn hiệu, quy trình xây dựng thương hiệu, định vị thương hiệu, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, các chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược tiếp thị hỗn hợp nhằm xây dựng và quảng bá thương hiệu, cách xây dựng một chương trình quảng bá thương hiệu và nhãn hiệu của một sản phẩm mới, nhãn hiệu dành cho xuất khẩu, các vấn đề về pháp lý về bảo vệ thương hiệu/nhãn hiệu, đánh giá và định giá thương hiệu.	2 (30LT)	BB	Sau Marketing căn bản
14	DQT0096	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management	Cung cấp các quan điểm về giá trị khách hàng và cách thức tăng cường những giá trị này thông qua việc tổ chức các hoạt động quản lý quan hệ khách hàng có hiệu quả. Nội dung gồm có: những khái niệm căn bản về ý nghĩa và vai trò của giá trị khách hàng và việc quản lý quan hệ khách hàng, những phương pháp thực dụng để đo lường sự thoả mãn của khách hàng, phương thức tăng cường chăm sóc khách hàng và đổi mới sự quản lý quan hệ khách hàng. Thực tập nghiên cứu và báo cáo về một số tình huống cụ thể.	2 (30LT)	BB	Sau Marketing căn bản
<b>Tự chọn 7 tín chỉ</b>						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
1	DCO0060	Logistics	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.	3 (45LT)	TC	
2	DCO0200	Bảo hiểm và vận tải quốc tế International Transportation and Insurance	Cung cấp cho sinh viên các nội dung liên quan đến vận tải quốc tế và bảo hiểm quốc tế. Trong mua bán hàng hóa quốc tế, hàng hóa được vận chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác bằng nhiều phương thức khác nhau, các phương thức này được trình bày trong môn học, cụ thể: phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường sông, đường bộ, đa phương thức và phương thức gởi hàng bằng container. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu như: khái niệm bảo hiểm, rủi ro, tổn thất hàng hóa, các điều kiện bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm.	3 (45LT)	TC	
3	DQT0099	Quản trị hành chính văn phòng	Nắm được việc sử dụng các công cụ hoạt động (điện thoại, email,...) một cách chuyên nghiệp	2 (30LT)	TC	Sau Quản trị học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
		Administration Management	Sử dụng các phương pháp quản lý văn phòng (quản lý hồ sơ quản lý hội họp, quản lý thông tin,...) Vai trò người quản lý văn phòng, người nhân viên văn phòng.			
4	DKT0120	Kinh doanh quốc tế International Business	Cung cấp kiến thức, kỹ năng cần thiết cho nhà quản trị kinh doanh quốc tế nhận thức đầy đủ những đặc điểm và diễn biến của môi trường kinh doanh toàn cầu để điều chỉnh các hành vi quản trị, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thích nghi 1 cách tốt nhất, hiệu quả nhất vào tiến trình hội nhập kinh tế. Thông qua các tình huống nghiên cứu điển hình giúp cho người học thấu hiểu sâu sắc hơn, có thể biết cách vận dụng phù hợp vào điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.	3 (45LT)	TC	Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
5	DQT0210	Hành vi khách hàng Customer Behaviour	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khách hàng như các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng, đặc biệt là hành vi mua hàng, quy trình ra quyết định mua hàng của khách hàng... Từ đó giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc nghiên cứu hành vi khách hàng, là tiền đề để đưa ra các quyết định về marketing và kinh doanh.	2 (30LT)	TC	Sau Marketing căn bản
7	DPR0090	Tổ chức sự kiện Event Planning	Trang bị cho sinh viên ngành những kiến thức cơ bản của từng khâu trong Tổ chức sự kiện: (1) Nhận yêu cầu, (2) Lên ý tưởng, (3) Thực hiện Bản trình chiếu, (4) Đấu thầu ý tưởng, (5) Triển khai chi tiết, (6) Chạy sự kiện, (7) Báo cáo sau sự kiện và Họp rút kinh nghiệm.	2 (30LT)	TC	Sau Marketing căn bản

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
	<b>2.3. Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế</b>			<b>10</b>		
	DQT0330	Thực tập TN	Sinh viên cần biết vận dụng hệ thống kiến thức, kỹ năng đã được trang bị để nghiên cứu một vấn đề trong thực tế.	2	BB	
	DQT0800	KLTN hoặc các học phần thay thế	Khóa luận tốt nghiệp là công trình cứu khoa học của sinh viên với sự hướng dẫn của giảng viên. Khóa luận thể hiện cơ sở lý luận, cách thức giải quyết vấn đề của thực tiễn sau khi đi thực tập TN.	8	BB	

**Ghi chú:** LT = số giờ lý thuyết; TH = Số giờ thực hành; ĐA = số giờ đồ án; TT = Số giờ thực tập; Ghi chú: nếu bắt buộc phải học theo học kỳ nào đó trong CTĐT hoặc yêu cầu đặc biệt cần lưu ý thì ghi vào cột này.

**Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương 38 tín chỉ</b>						
<b>1.1. Lý luận Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>10</b>		
1	DCT0010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lí tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.</li> </ul>	2 (30LT)	BB	
	DCT0011	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những quan điểm phạm trù, quy luật của nền kinh tế hàng hóa tư bản, xu hướng tất yếu của CNTB và những vấn đề có tính quy luật của chủ nghĩa xã hội.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lí tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.</li> </ul>	3 (45LT)	BB	Sau những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê Nin 1
2	DCT0030	Tư tưởng HCM	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về tư tưởng, về đạo đức và văn hóa Hồ Chí Minh.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.</li> <li>- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.</li> </ul>	2 (30LT)	BB	Sau những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê Nin 2
3	DCT0020	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.</li> </ul>	3 (45LT)	BB	Sau Tư tưởng Hồ Chí Minh



TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			- Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Thái độ tích cực về lý tưởng cách mạng, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt.			
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>			<b>4</b>		
4	DPL0010	Pháp luật đại cương	Kiến thức tổng quan về sự ra đời, hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật. Từ đó, trình bày được những quy luật căn bản về sự tồn tại của các yếu tố mang tính quyền lực ở phạm vi quốc gia. Sinh viên vận dụng kiến thức về một số luật chuyên ngành cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống thực tiễn.	2 (30LT)	BB	
5	DMT0020	Môi trường và con người	- Trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.  Rèn luyện cho sinh viên tham gia xây dựng bài trên lớp và làm bài tập tại lớp, góp phần hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy giải quyết vấn đề của sinh viên.  Hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày và các hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.	2 (30LT)	BB	
	<b>1.3. Nhân văn – Nghệ thuật</b>			<b>2</b>		
6	DQT0020	Đạo đức kinh doanh	Hiểu rõ thế nào là các hoạt động/hành vi có đạo đức và vô đạo đức trong kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là hoạt động	2 (30LT)	BB	

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			có đạo đức trong mọi lĩnh vực kinh doanh, con người, pháp luật.			
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>			<b>12</b>		
7	DTA0012	Anh văn 1	-Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. -Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v...	3 (45LT)	BB	
8	DTA0020	Anh văn 2	-Sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). -Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. -Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 1
9	DTA0030	Anh văn 3	-Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... -Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. -Sinh viên có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 2
10	DTA0040	Anh văn 4	-Sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 3

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			-Sinh viên có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.			
	<b>1.5. Toán - Tin học</b>			<b>9</b>		
11	DTN0110	Toán cao cấp 1	<p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên:</p> <p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết ma trận, thực hiện được các phép tính với ma trận</li> <li>- Giải được hệ phương trình tuyến tính.</li> <li>- Nhận biết bài toán quy hoạch tuyến tính, giải được bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến bằng phương pháp đồ thị.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được các mô hình kinh tế đơn giản: mô hình cân bằng thị trường, mô hình input – output, tối ưu một đại lượng kinh tế khi hàm mục tiêu và các ràng buộc tuyến tính</li> <li>- Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.</li> </ul> <p><b>Về thái độ:</b></p> <p>Ý thức tự học, tự nghiên cứu, tuân thủ giờ giấc học tập.</p>	3 (45LT)	BB	
	DTN0111	Toán cao cấp 2	<p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên:</p> <p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các vấn đề liên quan đến phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến và hàm số nhiều biến, như: Đạo hàm, đạo hàm riêng, cực trị, các loại tích phân,...</li> <li>- Phân biệt được các dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2, các loại chuỗi số và chuỗi hàm.</li> </ul>	2 (30LT)		Sau Toán cao cấp 1

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần ( <i>tóm tắt</i> )	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<p>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải những dạng bài tập thuần túy về mặt toán học, và giải quyết một số dạng bài toán đơn giản trong thực tế như: Tìm diện tích lớn nhất, Tìm chi phí nhỏ nhất, Tính diện tích vật thể, Tính thể tích vật thể, ...</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng tư duy logic, phân biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề</li> <li>- Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp để làm việc theo nhóm.</li> </ul> <p><b>Về thái độ:</b></p> <p>Ý thức được việc học tập của bản thân; Nhận biết được nhiệm vụ của người học, trách nhiệm của bản thân đối với mọi người trong nhóm học tập và trong lớp học.</p>			
12	DTN0070	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	<p>Hoàn thành khóa học này sinh viên có khả năng</p> <p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các khái niệm cơ bản của xác suất và thống kê,</li> <li>- Vận dụng linh hoạt các mô hình xác suất, các mô hình ước lượng, kiểm định thống kê vào giải quyết bài toán cụ thể,</li> <li>- Tính toán hệ số tương quan và tìm phương trình hồi quy tuyến tính đơn biến.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu, lập kế hoạch công việc, làm việc nhóm, soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm Excel sử dụng trong thống kê,</li> </ul>	3 (45LT)	BB	Sau Toán cao cấp 2

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần ( <i>tóm tắt</i> )	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<p>- Ứng dụng được kiến thức môn học làm nền tảng cho các môn chuyên ngành, các môn sau đại học và cho các công việc thực tế.</p> <p><b>Thái độ:</b> Hình thành ý thức học tập thường xuyên ở nhà và tích cực phát biểu trên lớp.</p>			
13	DTH0012	Tin học căn bản	<p>Kiến thức Sinh viên mô tả cấu trúc máy tính, mạng máy tính kết nối Cài đặt phần mềm ứng dụng trong máy tính, sửa lỗi khắc phục sự tương thích của phần mềm trong quá trình sử dụng Kỹ năng Tìm kiếm tài nguyên trên mạng Internet và chia sẻ thông tin. Gửi/nhận thư điện tử Soạn thảo bài trình chiếu hiệu quả Soạn thảo tài liệu văn bản với các chuẩn mực định dạng Xử lý bảng tính và tính toán số liệu theo yêu cầu Thái độ và phẩm chất Học tập nghiêm túc, kiên trì và kỷ luật thông qua môi trường chia sẻ thông tin.</p>	2 (30LT)	BB	
<b>1.6. Giáo dục Thể chất</b>						
<b>1.7. Giáo dục Quốc phòng</b>						
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ</b>						
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>34</b>		
1	KDT0010	Kinh tế vi mô	<p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên: <b>Kiến thức:</b> - Hoạt động của thị trường.</p>	3 (45LT)	BB	

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần ( <i>tóm tắt</i> )	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trên thị trường.</li> <li><b>Kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, so sánh giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động giữa các cấu trúc thị trường khác nhau</li> <li>- Phân tích các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường</li> <li>- Làm việc nhóm, tư duy logic</li> <li>- Tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu</li> </ul> </li> <li><b>Thái độ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giúp sinh viên hình thành đức tính trung thực, kiên trì, chăm chỉ, có trách nhiệm trong công việc.</li> </ul> </li> </ul>			
2	DKT0021	Kinh tế vĩ mô	<p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên:</p> <p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các học thuyết kinh tế vĩ mô</li> <li>- Hoạt động của nền kinh tế trên giác độ tổng thể</li> <li>- Nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn</li> <li>- Vai trò và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn</li> <li>- Giải thích và phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế</li> <li>- Tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu</li> <li>- Thu thập dữ liệu kinh tế</li> <li>- Làm việc nhóm, tư duy logic</li> </ul>	3 (45LT)	BB	Sau Kinh tế vi mô

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<b>Thái độ:</b> Giúp sinh viên hình thành được các đức tính trung thực, cẩn thận, chăm chỉ và có trách nhiệm trong công việc.			
3	DKT0080	Tài chính tiền tệ	Mô tả được hệ thống kiến thức về nguyên lý của thị trường tài chính và tiền tệ; các vấn đề cơ bản của hoạt động tài chính trong nền kinh tế thị trường như: lãi suất, lạm phát và tỷ giá; hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, để có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học khác trong chuyên ngành.	3 (45LT)	BB	Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
4	DAC0010	Nguyên lý kế toán	-Mô tả được bản chất, đặc điểm, vai trò của kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận (GAAP). -Giải thích được bản chất và nội dung từng bước của chu trình kế toán. -Vận dụng được các phương pháp kế toán để lập các báo cáo tài chính ở mức độ giản đơn. -Thực hiện được các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn. -Phân tích được quá trình hình thành luồng thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin. giải quyết các vấn đề.	3 (45LT)	BB	
5	DKT0130	Kinh tế quốc tế	Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị các kiến thức cơ bản cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường trong điều kiện nền kinh tế mở. Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế riêng biệt trong quá trình khai thác và	3 (45LT)	BB	Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			sử dụng tài nguyên khan hiếm để thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người. Kinh tế học quốc tế được chia làm hai phần chính: thương mại quốc tế và tài chính quốc tế. Điều quan tâm chính của học phần không chỉ là các nguyên lý lý thuyết cơ sở của Kinh tế học quốc tế, mà cả những tình huống thực tế và các vấn đề về chính sách kinh tế quốc tế.			
6	DPL0030	Luật kinh tế	Kiến thức pháp luật về các hình thức kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp, cách thức thành lập, hoạt động, giải thể và phá sản doanh nghiệp; Kiến thức pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2 (30LT)	BB	Sau Pháp luật đại cương
7	DKT0020	Marketing căn bản	Môn học Marketing căn bản nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động marketing: Các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản; Nguyên lý căn bản của marketing; Nghiên cứu thị trường – Hành vi khách hàng; Các công cụ marketing mix (Sản phẩm, Định giá, Phân phối, Chiêu thị).	3 (45LT)	BB	
8	DKT0051	Nguyên lý thống kê	<b><u>Kiến thức:</u></b> - Phân tích, tổng hợp và viết được phương án điều tra thống kê, phân tích được phương án điều tra chọn mẫu, và tổng hợp dữ liệu mẫu. - Tính toán tất cả các đặc trưng số của dữ liệu. - Phân tích được các chỉ số của vấn đề thống kê. Tính toán và kết luận cho hệ thống chỉ số.	2 (30LT)	BB	Sau Lý thuyết xác suất và thống kê toán



TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần ( <i>tóm tắt</i> )	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<p>- Tính toán được các đặc trưng của chuỗi thời gian. Xây dựng và tính toán mô hình để dự đoán và phân tích biến động của hiện tượng kinh tế xã hội.</p> <p><b><u>Kỹ năng:</u></b></p> <p>- Sử dụng phần mềm thống kê: Excel, SPSS trong tính toán và phân tích các vấn đề thống kê.</p> <p>- Làm việc nhóm: phân tích mô hình thực tiễn, quản lý nhóm, phân chia công việc, giải quyết vấn đề.</p> <p><b><u>thái độ:</u></b></p> <p>Giúp sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong công việc.</p>			
9	DQT0010	Quản trị học	<p>Quan tâm cập nhật về môi trường kinh doanh (đặc biệt về luật và chính sách) để có thể lập kế hoạch, tổ chức bộ máy, công việc, biết điều hành, chọn cách giám sát hữu hiệu và biết cách giải quyết vấn đề nhằm đạt mục tiêu của tổ chức hoặc doanh nghiệp</p>	3 (45LT)	BB	
10	DKT0061	Kinh tế lượng	<p><b><u>Kiến thức:</u></b></p> <p>- Xác định, phân loại được các kiến thức căn bản trong mô hình hồi quy đơn, bội, hồi quy với biến giả, các khuyết tật căn bản trong xây dựng mô hình hồi quy như đa cộng tuyến, phương sai thay đổi và tự tương quan</p> <p>- Tính toán được các đặc trưng của mô hình hồi quy đơn, mô hình hồi quy bội. Áp dụng, đánh giá các kết quả khi sử dụng phần mềm Eviews để xây dựng mô hình hồi quy.</p>	3 (45LT)	BB	

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			<p>-Lý giải, đánh giá cho các khuyết tật của mô hình hồi quy. Sử dụng mô hình hồi quy trong việc dự báo, kết luận các vấn đề kinh tế....</p> <p><b><u>Kĩ năng:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kỹ năng tính toán và phân tích để xây dựng các mô hình hồi quy theo sự hướng dẫn.</li> <li>- Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp để quản lý nhóm, giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm.</li> </ul> <p><b><u>Thái độ:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thể hiện ý thức tự rèn luyện học tập thường xuyên.</li> </ul>			
11	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1	Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghe để sinh viên có thể giới thiệu về công ty và đàm phán trong kinh doanh ở mức độ cơ bản.	3 (45LT)	BB	Sau Anh văn 4
12	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2	Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghe để sinh viên có thể giới thiệu sản phẩm và trao đổi thông tin trong kinh doanh qua điện thoại ở mức độ cơ bản.	3 (45LT)	BB	Sau Anh văn chuyên ngành 1
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>42</b>		
1	DQT0100	Quản trị tài chính	Nắm vững kiến thức cơ bản về công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp, biết xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh. Nắm vững kỹ năng trong công tác quản lý và sử dụng vốn. Sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đạt lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Đánh giá kết	3 (45LT)	BB	Sau Nguyên lý kế toán

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các chỉ tiêu tài chính.			
2	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực	Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến những khái niệm và nguyên lý căn bản trong quản trị nguồn nhân lực. Biết vận dụng những kiến thức đã học để nhận diện các vấn đề nhân sự trong tổ chức và đưa ra các giải pháp giải quyết phù hợp cho từng hoàn cảnh, từng vấn đề.	3 (45LT)	BB	Sau Quản trị học
3	DQT0070	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin)	Ngày nay, việc áp dụng hiệu quả Công nghệ thông tin vào tổ chức kinh doanh là thiết yếu và vô cùng quan trọng. Môn học được xây dựng để trang bị cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản và vai trò của việc triển khai và quản lý hệ thống thông tin trong tổ chức.	3 (30LT/30TH)	BB	
4	DTH0053	Nền tảng máy tính (FoC)	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần cứng máy tính, phần mềm, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính, kiến thức cơ sở về lập trình, giới thiệu và mang đến cho sinh viên trải nghiệm phát triển và triển khai một ứng dụng phần mềm.	3 (30LT/30TH)	BB	
5	DQT0220	Mạng và bảo mật thông tin	Môn học này sẽ giúp Sinh viên có kiến thức cơ bản về mạng máy tính, cấu trúc mạng và các mô hình mạng LAN, WAN, Internet và Intranet. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về bảo mật mạng và điện toán đám mây.	2 (15LT/30TH)	BB	
6	DQT0230	Cơ sở dữ liệu (Database)	Môn học “Cơ sở dữ liệu” mô tả/định nghĩa các hệ thống thông tin có cấu trúc, được lưu trữ có tổ chức trên các thiết bị và nhằm đáp ứng việc khai thác, chia sẻ đồng thời cho nhiều người sử dụng ng. Đồng thời, môn học đưa ra các giải	3 (30LT/30TH)	BB	

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			pháp, quy tắc chuẩn hóa để sinh viên phân tích, thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn hơn và tốt hơn. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường lập trình ngôn ngữ T-SQL. Sinh viên được thực hành nhiều để nắm rõ hơn cách thực hiện và cách thực thi của hệ quản trị cơ sở dữ liệu.			
7	DQT0240	Phân tích dữ liệu doanh nghiệp (Business Data Analysis)	Môn học tập trung đem đến cho người học hiểu rõ vai trò quan trọng của dữ liệu và phân tích dữ liệu trong việc hỗ trợ doanh nghiệp ra các quyết định kinh doanh hiệu quả. Dữ liệu sẽ là vô nghĩa nếu không được phân tích và khai thác đúng mục đích kinh doanh. Qua môn học, sinh viên sẽ hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích dữ liệu doanh nghiệp, và thực hành ứng dụng một số công cụ phân tích các loại dữ liệu khác nhau để đáp ứng các bài toán kinh doanh của doanh nghiệp.	2 (15LT/30TH)	BB	Sau Cơ sở dữ liệu
8	DQT0060	Giá trị doanh nghiệp (Business Value)	Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm tổng quan về các giá trị của doanh nghiệp; từ giá trị kinh tế và tài sản cơ bản đến mở rộng ra một số các hình thức tạo ra giá trị khác. Khám phá tất cả các hình thức giá trị để xác định sự hưng thịnh của các tổ chức/doanh nghiệp trong dài hạn và hiểu làm thế nào con người/các nhân viên tác động đến các hình thức giá trị đó. Môn học cũng nhấn mạnh việc phân tích giá trị của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phần mềm để sinh viên ngành ISM có cơ hội tìm hiểu những kiến thức thực tiễn giúp các em dễ dàng thích nghi với các môi trường làm việc sau này.	3 (30LT/30TH)	BB	
9	DQT0250	Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp (Requirements Engineering)	Giai đoạn lấy yêu cầu ảnh hưởng lớn đến sự thành công của một dự án Hệ thống thông tin. Hiện nay gần 70% lý do thất bại của các dự án là do hiểu nhu cầu của doanh nghiệp, của người sử dụng không đúng hoặc không đủ, từ đó dẫn đến	3 (30LT/30TH)	BB	Sau Nhập môn quản lý hệ thống thông tin

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
			việc xây dựng giải pháp ứng dụng CNTT không đúng thời điểm và không đem lại lợi ích kinh tế cho người dùng. Nguyên nhân cốt lõi của vấn đề này là do nhóm phát triển đã thất bại trong giai đoạn xác định đúng và đủ các yêu cầu của giải pháp. Vì vậy để giảm thiểu rủi ro thất bại dự án vì các sai lầm trong giai đoạn lấy yêu cầu, môn học được thiết kế để đào tạo cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Hệ thống thông tin các kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến Kỹ thuật lấy yêu cầu. Sau khi được trang bị kiến thức nền tảng và thực hành trải nghiệm các kỹ thuật lấy yêu cầu, sinh viên sau khi ra trường có thể tham gia vào giai đoạn lấy yêu cầu, phân tích nghiệp vụ doanh nghiệp để hiểu đúng và đủ nhu cầu của khách hàng, góp phần không nhỏ vào sự thành công của dự án.			
10	DQT0260	Quản lý dự án hệ thống thông tin (ISM and practices)	Môn học trình bày các kiến thức về hoạch định dự án, các qui trình phát triển, phân tích cạnh tranh, yêu cầu doanh nghiệp, kiến trúc, thiết kế, triển khai và tích hợp hệ thống thông tin và rèn luyện cho SV các kỹ năng liên quan đến công tác quản lý một dự án hệ thống thông tin. Song song đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.	3 (30LT/30TH)	BB	Sau Nhập môn quản lý hệ thống thông tin, Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp
11	DQT0270	Quản lý quy trình doanh nghiệp (Business Process Management)	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức sau: Kiến trúc Doanh nghiệp (EA), Kiến trúc Thông tin (IA), Quy trình các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, Ngôn ngữ Mô hình Hóa thông dụng (UML, BPMN) Môn học nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Mô hình hóa Quy trình Kinh doanh, Phân tích đánh giá Quy trình Kinh doanh, Làm việc nhóm, Tư duy phân biện	3 (30LT/30TH)	BB	Sau Nhập môn quản lý hệ thống thông tin

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
12	DQT0280	Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin (IS theories and practice)	Môn học đóng vai trò giúp sinh viên đúc kết kiến thức về lý thuyết quản lý hệ thống thông tin, hiểu rõ vai trò quản trị hệ thống thông tin mang lại lợi thế cho DN, sắp xếp mô hình tổ chức quản lý hệ thống thông tin, nắm vững các tiêu chuẩn quốc tế của quản lý vận hành hệ thống thông tin và có khả năng đánh giá mức độ khả dụng của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam.	2 (15LT/30TH)	BB	Sau Nhập môn quản lý hệ thống thông tin
13	DQT0290	Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin (Process & quality management)	Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức sau: Hiểu được việc quản lý chất lượng hệ thống thông tin là gì? Biết phương thức để nâng cao chất lượng hệ thống thông tin trong môi trường doanh nghiệp. Hiểu được quy trình hệ thống thông tin là gì? Và vai trò của quy trình trong việc cung cấp sản phẩm / dịch vụ đạt chất lượng tốt cho người dùng. Hiểu được phương thức để cải tiến quy trình hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Hiểu được các phương pháp và mô hình quản lý hệ thống thông tin như: CMMI, ITIL, COBIT5, Six Sigma,... Hiểu được phương thức đánh giá một hệ thống thông tin.	2 (15LT/30TH)	BB	Sau Quản lý dự án hệ thống thông tin
14	DQT0300	<i>Đồ án hệ (ERP)- giữa HK7 &amp;HK8</i>	Sau khi hoàn tất Đồ án, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến hệ thống thông tin như CRM, ERP. Sinh viên hiểu được thực tế một hệ thống thông tin là như thế nào thông qua trải nghiệm hệ thống phần mềm mã nguồn mở Odoo (hoặc các hệ thống tương tự khác). Bên cạnh đó, sinh viên có thể áp dụng được lý thuyết để phân tích, xác định được giải pháp hệ thống thông tin phù hợp cho doanh nghiệp, đồng thời đánh giá và hiệu chỉnh quy trình và hệ thống để đáp ứng đúng nhu cầu của Doanh nghiệp.	2 (60TH)	BB	Sau Quản lý dự án hệ thống thông tin
<b>Các học phần tự chọn</b>				<b>5</b>		

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
1	DQT0110	Quản trị Marketing	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết để có thể đảm nhận trách nhiệm quản trị các hoạt động marketing của một tổ chức. Nội dung gồm có: Hiểu biết về những quan điểm mới về marketing và tiến trình quản trị marketing, phân tích thị trường cạnh tranh và các cơ hội marketing, hoạch định các chiến lược marketing nền tảng của doanh nghiệp, hoạch định các chiến lược sản phẩm và định giá; hoạch định các chiến lược phân phối và chiêu thị, cách xây dựng kế hoạch và ngân sách marketing hằng năm, xây dựng các chương trình hay chiến dịch marketing đặc biệt, phương thức triển khai, kiểm soát và giám định các hoạt động marketing, định hướng về các ngành nghề chuyên môn trong lĩnh vực marketing. Thực hành việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp cho một vấn đề thực tiễn của thị trường hiện tại.	3 (45LT)	TC	Sau Marketing căn bản
2	DQT0095	Quản trị sản xuất	Trang bị kiến thức về quản trị các yếu tố đầu vào, tổ chức, phối hợp các yếu tố đó nhằm chuyển hóa kết quả đầu ra là sản phẩm vật chất hay dịch vụ với hiệu quả cao nhất.	2 (30LT)	TC	Sau Quản trị học
3	DQT0090	Quản trị dự án	Quản trị một dự án nhỏ và vừa từ khâu lập kế hoạch, xây dựng tiến độ, quản lý tổ chức thực hiện, kiểm soát và quản trị rủi ro.	2 (30LT)	TC	Sau Quản trị học
4	DQT0099	Quản trị hành chính văn phòng	Nắm được việc sử dụng các công cụ hoạt động (điện thoại, email,...) một cách chuyên nghiệp Sử dụng các phương pháp quản lý văn phòng (quản lý hồ sơ quản lý hội họp, quản lý thông tin,...) Vai trò người quản lý văn phòng, người nhân viên văn phòng.	2 (30LT)	TC	Sau Quản trị học

TT	Mã MH/HP	Tên MH/HP	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ghi chú
5	DQT0096	Quản trị quan hệ khách hàng	Cung cấp các quan điểm về giá trị khách hàng và cách thức tăng cường những giá trị này thông qua việc tổ chức các hoạt động quản lý quan hệ khách hàng có hiệu quả. Nội dung gồm có: những khái niệm căn bản về ý nghĩa và vai trò của giá trị khách hàng và việc quản lý quan hệ khách hàng, những phương pháp thực dụng để đo lường sự thoả mãn của khách hàng, phương thức tăng cường chăm sóc khách hàng và đổi mới sự quản lý quan hệ khách hàng. Thực tập nghiên cứu và báo cáo về một số tình huống cụ thể.	2 (30LT)	TC	Sau Marketing căn bản
6	DQT0093	Quản trị chiến lược	Vận dụng kiến thức quản trị chiến lược nhằm xây dựng chiến lược cho công ty, xây dựng chiến lược cho các đơn vị chức năng, xây dựng chiến lược cho các đơn vị kinh doanh.	3 (45LT)	TC	Sau Quản trị học
<b>2.3. Thực tập, Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</b>				<b>10</b>		
	DQT0330	Thực tập	Sinh viên cần biết vận dụng hệ thống kiến thức, kỹ năng đã được trang bị để nghiên cứu một vấn đề trong thực tế	2	BB	
	DQT0230	Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên có điều kiện tổng hợp, áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến, nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh, giải quyết các vấn đề mang tính thực tiễn mà một tổ chức đang gặp phải	8	BB	

**Ghi chú:** LT = số giờ lý thuyết; TH = Số giờ thực hành; ĐA = số giờ đồ án; TT = Số giờ thực tập; Ghi chú: nếu bắt buộc phải học theo học kỳ nào đó trong CTĐT hoặc yêu cầu đặc biệt cần lưu ý thì ghi vào cột này.



## 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
1	1	DCT0010	NLCBCNMLN 1	2	30				BB	
2	1	DKT0010	Kinh tế vi mô	3	45				BB	
3	1	DTN0110	Toán cao cấp 1	2	30				BB	
4	1	DTA0012	Anh văn 1	3	45				BB	
5	1	DPL0010	Pháp luật đại cương	2	30				BB	
6	1	DMT0020	Môi trường và con người	2	30				BB	
7	2	DKT0031	Kinh tế vĩ mô	3	45				BB	
8	2	DQT0010	Quản trị học	3	45				BB	
9	2	DKT0020	Marketing căn bản	3	45				BB	
10	2	DTN0111	Toán cao cấp 2	2	30				BB	
11	2	DTA0020	Anh văn 2	3	45				BB	Đạt Anh văn 1
12	2	DCT0011	NLCBCNMLN 2	3	45				BB	
13	2	DPL0030	Luật kinh tế	2	30				BB	
14	3	DTA0030	Anh văn 3	3	45				BB	Đạt Anh văn 2
15	3	DQT0020	Đạo đức kinh doanh	2	30				BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
16	3	DTH0012	Tin học cơ bản	2	30				BB	
17	3	DMT0020	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45				BB	
18	3	DQT0110	Quản trị Marketing	3	45				BB	
19	3	DKT0130	Kinh tế quốc tế	3	45					
20	3	DCT0030	Tư tưởng HCM	2	30					
21	4	DTA0040	Anh văn 4	3	45				BB	Đạt Anh văn 3
22	4	DKT0051	Nguyên lí thống kê	3	45				BB	
23	4	DAC0010	Nguyên lý kế toán	3	45				BB	
24	4	DKT0080	Tài chính tiền tệ	3	45				BB	
25	4	DCT0020	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	45				BB	
26	5	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1	3	45				BB	
27	5	DCO0070	Thương mại điện tử	3	45				BB	
28	5	DKT0061	Kinh tế lượng	3	45				BB	
29	5	DQT0080	Quản trị rủi ro	2	30				BB	
30	5	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực	3	45				BB	
31	5		Môn tự chọn	2	30				TC	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
32	6	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2	3	45				BB	
33	6	DQT0095	Quản trị sản xuất	2	30				BB	
34	6	DQT0092	Quản trị tài chính	3	45				BB	
35	6	DQT0090	Quản trị dự án	2	30				BB	
36	6	DCO0080	Nghiệp vụ KD XNK & TT QT	3	45				BB	
37	6	DQT0093	Quản trị chiến lược	3	45				BB	
38	7	DQT0096	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30				BB	
39	7	DQT0098	Quản trị chất lượng	3	45				BB	
40	7	DQT0100	Quản trị kho bãi	2	30				BB	
41	7	DQT0120	Quản trị thương hiệu	2	30				BB	
42	7	DQT0200	Hành vi tổ chức	2	30				BB	
43	7		Môn tự chọn	6					TC	
44	8	DQT0700	Thực tập	2					BB	
45	8	DQT0800	Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế	8					BB	

**Ghi chú:** LT: số giờ lý thuyết; TH: Số giờ thực hành; ĐA: số giờ đồ án; TT: Số giờ thực tập. Bảng này thể hiện kế hoạch tổ chức giảng dạy dự kiến của ngành đào tạo, xem như một kế hoạch học tập mẫu cho sinh viên tham khảo. Trong thực tế sinh viên có thể chọn học các học phần theo kế hoạch riêng và phù hợp với yêu cầu về học phần bắt buộc, học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần tự chọn.

**Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
1	1	DCT0010	NLCBCNMLN 1	2	30				BB	
2	1	DKT0010	Kinh tế vi mô	3	45				BB	
3	1	DTN0110	Toán cao cấp 1	2	30				BB	
4	1	DTA0012	Anh văn 1	3	45				BB	
5	1	DPL0010	Pháp luật đại cương	2	30				BB	
6	1	DMT0020	Môi trường và con người	2	30				BB	
7	2	DKT0031	Kinh tế vĩ mô	3	45				BB	
8	2	DQT0010	Quản trị học	3	45				BB	
9	2	DKT0020	Marketing căn bản	3	45				BB	
10	2	DTN0111	Toán cao cấp 2	2	30				BB	
11	2	DTA0020	Anh văn 2	3	45				BB	Đạt Anh văn 1
12	2	DCT0011	NLCBCNMLN 2	3	45				BB	
13	2	DPL0030	Luật kinh tế	2	30				BB	
14	3	DTA0030	Anh văn 3	3	45				BB	Đạt Anh văn 2
15	3	DQT0020	Đạo đức kinh doanh	2	30				BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
16	3	DTH0012	Tin học cơ bản	2	30				BB	
17	3	DMT0020	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45				BB	
19	3	DKT0130	Kinh tế quốc tế	3	45					
20	3	DCT0030	Tư tưởng HCM	2	30					
21	4	DTA0040	Anh văn 4	3	45				BB	Đạt Anh văn 3
22	4	DKT0051	Nguyên lí thống kê	3	45				BB	
23	4	DAC0010	Nguyên lý kế toán	3	45				BB	
24	4	DKT0080	Tài chính tiền tệ	3	45				BB	
25	4	DCT0020	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	45				BB	
	4	DQT0070	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin)	3	30	30			BB	
26	5	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1	3	45				BB	
27	5	DQT0250	Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp	3	30	30			BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
			(Requirements Engineering)							
28	5	DQT0060	Giá trị doanh nghiệp (Business Value)	3	30	30			BB	
29	5	DTH0053	Nền tảng máy tính (FOC)	3	30	30			BB	
30	5	DKT0061	Kinh tế lượng	3	45				BB	
31	5		Môn tự chọn	3					TC	
32	6	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2	3	45				BB	
33	6	DQT0100	Quản trị tài chính	3	45				BB	
34	6	DQT0260	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)	3	30	30			BB	
35	6	DQT0230	Cơ sở dữ liệu (Database)	3	30	30			BB	
36	6	DQT0270	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)	3	30	30			BB	
38	7	DQT0240	Phân tích dữ liệu doanh nghiệp (BusinessData Analysis)	2	15	30			BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
39	7	DQT0280	Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin (IS theories and practice)	2	15	30			BB	
40	7	DQT0290	Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin (Process & quality management)	2	15	30			BB	
41	7	DQT0220	Mạng và bảo mật thông tin	2	15	30			BB	
42	7	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực	3	45				BB	
43	7		Môn tự chọn	3					TC	
		DQT0300	Đồ án hệ	2		60			BB	
44	8	DQT0330	Thực tập	2					BB	
45	8	DQT0230	Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	8					BB	

**Ghi chú:** LT: số giờ lý thuyết; TH: Số giờ thực hành; ĐA: số giờ đồ án; TT: Số giờ thực tập. Bảng này thể hiện kế hoạch tổ chức giảng dạy dự kiến của ngành đào tạo, xem như một kế hoạch học tập mẫu cho sinh viên tham khảo. Trong thực tế sinh viên có thể chọn học các học phần theo kế hoạch riêng và phù hợp với yêu cầu về học phần bắt buộc, học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần tự chọn.

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Sinh viên được các Cố vấn học tập hướng dẫn lập kế hoạch học tập trong toàn khóa học và đăng ký học phần theo kế hoạch của từng ngành;
- Sinh viên sẽ được thi kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa để xếp lớp phù hợp. Trước khi tốt nghiệp, sinh viên thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo như đã nêu ở Mục 5 mới được cấp bằng tốt nghiệp.

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**PGS.TS Trần Thị Mỹ Diệu**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2018*

**TRƯỞNG KHOA**  
  
**PGS.TS Nguyễn Văn Áng**